

ページ		訂正前	訂正後
22	聞き取り練習 答え(3)	mã	má
55	Unit 7 練習問題 (3) 午後11時半 (24時制、12時制の順)	mười một giờ rưỡi / mười một giờ rưỡi sáng	hai mươi ba giờ rưỡi / mười một giờ rưỡi đêm
55	(4) 午前6時10分前	sáu giờ kém mười <phút>	sáu giờ kém mười <phút> / sáu giờ kém mười <phút> sáng
55	(5) ちょうど午後4時	bốn giờ đúng / đúng bốn giờ chiều	mười sáu giờ đúng / đúng bốn giờ
71	部屋や家具	テーブル bàn パーン(グ)	テーブル bàn パーン
104	Unit 18 感情	気分が悪い cảm thấy khó chịu	気分が悪い cảm thấy khó chịu
106	Unit 19 芋づる式 漢字連想術	漢越語(chữ nôm、	漢越語(từ Hán Việt、
115	Unit 20 お祝いの表現 4つめの注	Một hai bay Yo!	Một hai ba Yo!
130	Unit 23 練習問題 指示文	「自分」はtoi以外の言葉を使ってください。	「自分」はなるべくtoi以外の言葉を使ってください。
131	コラム 子供のせりふ 1行目	Tai sao	Tại sao
153	Unit 27 例文の注	Unit 9で時刻・時間の表現を～	Unit 7で時刻・時間の表現を～
155	コラム 下から4行目	改革解放政策	改革開放政策
159	Unit 28 練習問題(6)	もう記事書き終わった?	もうEメール書き終わった?
163	Unit 29 練習問題(3)答え	Chị được bảo vệ bởi cảnh sát.	Chị ấy được bảo vệ bởi cảnh sát.
172	Unit 31 練習問題(4)答え	Vợ tôi cân nặng giống như mẹ tôi.	Vợ tôi nặng bằng mẹ tôi.
213	Unit 48 例文5つめの注	【 】内はチューノム(漢越語)	【 】内は漢越語
218	Unit 49 表のサイト名1つめ	Chính phủ Việt Nam	Chính phủ Việt Nam
218	Unit 49 表の2つめ アドレス	https://www.tuoitre-vn	https://www.tuoitre.vn
218	Unit 49 表のサイト名3つめ	nhân dân điện tử	nhân dân điện tử